TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 02 – 2023
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- T Hnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Liệt.

2. Ông Lê Văn Dài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Phụng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Lĩnh S, sinh năm 1984.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ cư trú: Số Z, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đ.

Anh Phạm Lĩnh S có mặt, chị Nguyễn Thị Kim H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Lĩnh S trình bày:

Về hôn nhân: Anh Phạm Lĩnh S và chị Nguyễn Thị Kim H xác lập quan hệ hôn nhân năm 2004 và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 29/7/2004. Hôn nhân giữa anh S và chị H được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu và kết hôn. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai cưỡng ép hay ép buộc.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó giữa anh S và chị

H phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong các quyết định về gia đình, công việc và tình cảm. Nguyên nhân do chị H không quan tâm chăm sóc gia đình, bỏ mặc chồng con, thường hay cự cãi với anh S. Anh S nhiều lần khuyên ngăn nhưng chị H không từ bỏ. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh S và chị H ly thân từ năm 2019 đến nay. Khoảng thời gian sống ly thân anh S và chị H có Hn gắn tình cảm với nhau nhưng không t Hnh.

Anh Phạm Lĩnh S yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa anh S và chị H có 02 con chung tên Phạm Lĩnh S H, sinh ngày 02/02/2005 (đã trưởng t Hnh đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Phạm Lĩnh S H, sinh ngày 31/8/2009 (Hiện đang sống chung với anh S). Sau khi ly hôn anh Phạm Lĩnh S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu S H cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh S không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Bản khai của anh Phạm Lĩnh S (Bản chính); Sổ hộ khẩu (Bản sao); Giấy chứng minh nhân dân của anh Phạm Lĩnh S (Bản sao); Trích lục kết hôn (Bản sao); Giấy khai sinh của Phạm Lĩnh S H (Bản sao); Giấy khai sinh của Phạm Lĩnh S H (Bản sao); Bản khai của anh Phạm Lĩnh S (Bản chính); Bản khai của Phạm Lĩnh S H (Bản chính); Bản khai của Phạm Lĩnh S H (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Lĩnh S và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H cư trú tại ấp B, xã Bình T, huyện T, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Kim H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến Hnh xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân

sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Phạm Lĩnh S yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim H.

Xét thấy, anh S và chị H xác lập quan hệ hôn nhân năm 2004, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 29/7/2004, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống anh S, chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp trong cuộc sống. Nguyên nhân do chị H không quan tâm chăm sóc gia đình, bỏ mặc chồng con, vợ chồng hay cự cãi. Anh S nhiều lần khuyên ngăn nhưng chị H không từ bỏ. Ngoài ra, anh S và chị H không còn sống chung từ năm 2019 đến nay. Khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hơn nữa, anh S xác định, giữa anh và chị H không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa anh S và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, anh Phạm Lĩnh S yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Con chung tên Phạm Lĩnh S H, sinh ngày 02/02/2005, đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung tên Phạm Lĩnh S H, sinh ngày 31/8/2009 hiện đang sống chung với anh S. Sau khi ly hôn chị Phạm Lĩnh S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu S H cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Lĩnh S không yêu cầu chị Kim H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay anh S là người đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phạm Lĩnh S H. Ngoài ra, anh S xác định, hiện nay anh có việc làm ổn định, có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con. Đồng thời, tại bản khai ngày 16 tháng 01 năm 2023 thì cháu Phạm Lĩnh S H có nguyện vọng được sống chung với cha. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống, để đảm bảo cho cháu Phạm Lĩnh S H phát triển toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần cần giao con chung cho anh S nuôi dưỡng. Vì vậy, anh S yêu cầu được nuôi con chung tên Phạm Lĩnh S H, sinh ngày 31/8/2009 là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Phạm Lĩnh S không yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Lĩnh S xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Nguyễn Thị Kim H không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Phạm Lĩnh S phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Lĩnh S.

- *Về hôn nhân:* anh Phạm Lĩnh S được ly hôn với anh Nguyễn Thị Kim H.

- *Về con chung:* Con chung tên Phạm Lĩnh S H, sinh ngày 02/02/2005, đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Giao con chung tên Phạm Lĩnh S H, sinh ngày 31/8/2009 cho anh Phạm Lĩnh S được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Nguyễn Thị Kim H không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh Phạm Lĩnh S không yêu cầu.

Anh S và chị Kim H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Phạm Lĩnh S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016041 ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Anh Phạm Lĩnh S đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Kim H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người p H thi Hnh

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã B, huyện T, tỉnh Đ
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Trung